SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Nặng

VESUVIO WINTER S3S

VESUVWNTR

b ố t **mùa đông** bằng g **da nguyên**
miế ớp **lót Thinsulate 200 và** đế **PU/cao su**
Đ ư ế ch h ữ t kn g điều k iệ n khắc VESUVIO Winter S3S
iữa b ó đ g à g thủn g nh ẹ , phần trên cách nhiệ t cao h ơn và
ót Thinsulate 200 nguyên t ấm và đế ngoài bằn g cao su/PU BASF chắc
ản phẩm có độ bám và l ự c kéo t ư ở trong môi bằng giá.

Những vật liệu cao cấp hơn ựa điển Da ng	
lót bên trong	3M Thinsulation
trong Đ ấm lót chân Sa đông x	
iữa đế g ệt chống thủ ng	
ngoài Đ	BASF PU/Cao Su (NBR)
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3S / SR, SC, CHÀO, CI, FO, nhân s
Phạm vi kích thước	EU 36-50
ng lượng thép	0.820 kg
ản hiệu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022

BLK

Mặt **trên** bằng **da thoáng khí**
Da tự nhiên [illegible] các ứng dụng linh hoạt

Cách điện lạnh **(CI)**
Giày bảo hộ cách [illegible] (CI) [illegible] chân ấm được mặc trong môi t

Đ nhiệt
Đ được nhiệt độ cao lên đến 300°C.

& nhiên dầu
ế ngoài có Đ khả năng và nhiên liệu.

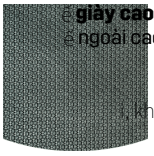

giày cao su
ế ngoài cao su cung cấp các tính năng linh hoạt giúp chúng phù hợp với ứng dụng: khả năng chống cắt [illegible] khả năng chịu nhiệt và độ lạnh, tính linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả năng [illegible] và nhiều l

Nắp **Scuff (SC)**
Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm [illegible] vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng giày [illegible]

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

PLATINUM Top 1% ecovadis Sustainability Rating SEP 2025

Proudly ranked in the top 1% by EcoVadis for sustainability.

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Xây dự n g, Ngành công n gh iệ ànp , Dầu khi, Khai thác m ỏ

ường: **Môi** t
rư ờn môi t ạnh , Bề mặt cự c mị n ờn môi hùn, b ề mặt không bằn g phẳn ờg, môi ề mặt ấm áp

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẩ cápbù hằn nhiệg Không trên lò s

	Sự **miêu** t ả	ơn vị **đo** l	Đ ờn g	ế t K ả u q	**EN ISO 20345**
Nhữ n g vật l iệu **đầu** n g **cao** cấp h ơn					
	Top: khả năng thấm hút ơ	iờ	mg/cm/g	3.2	? 0.8
	Top: h nụ ệ số h ơ		mg/cm2	33.3	? 15
ót bên trong	**3M Thinsulation**				
	L ớp lót: thấm hút ơ	iờ	mg/cm/g	103.5	? 2
	lót: h nụ ệ số h ơ		mg/cm2	827.6	? 20
rong Đ	ấm **lót chân mùa Đông** x				
ệ m chân	Đ ch ố n g mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)		chu kỳ	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	25600/12800
goài Đ	**BASF PU/Cao Su (NBR)**				
	Ch ố n g mài mòn ngoài (		mm	83.9	? 150
	Chư ố ợt c gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t		ma sát	0.54	? 0.31
rư	Cọt cố ợt bảng - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t		ma sát	0.48	? 0.36
rư	Cọt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t		ma sát	0.32	? 0.19
	Chư ố ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t		ma sát	0.30	? 0.22
rị ch ố	Giá t g tĩnh điệ n		megaohm	390	0.1 - 1000
rị ESD	Giá t		megaohm	N/A	0.1 - 100
	Hấp thụ năng l ượng gót chân củ		J	37	? 20
Đ ứ n g đầ	**Thép**				
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)		mm	N/A	N/A
	Nắp mũi ch ố n g nén (khe h ở sau khi nén 10kN)		mm	N/A	N/A
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)		mm	15.0	? 14
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)		mm	20.0	? 14

kích thước thép:

a chúng tôi. Nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
PLATINUM Top 1% ecovadis Sustainability Rating SEP 2025
Proudly ranked in the top 1% by EcoVadis for sustainability.
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com